TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2023/QĐST-HNGĐ	*Thạch An, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 24 /TLST- HNGĐ ngày 16/5/2023, về việc xin ly hôn giữa:

1- Nguyên đơn; Nông Thanh T; Sinh năm 1961

2- bị đơn: Nông Thị K. Năm sinh 1961

Cùng trú tại: thôn N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

3- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Cao Bằng : Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bế Đặng C – Giám đốc.
- Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Cao Bằng: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh H – Giám đốc

Căn cứ vào khoản 3 và 4 điều 147 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điểm d Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1- Nguyên đơn; Nông Thanh T; Sinh năm 1961

2- bị đơn: Nông Thị K. Năm sinh 1961

Cùng trú tại: thôn N, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về Quan hệ hôn nhân:** Nông Thanh T và chị Nông Thị K thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nông Thanh T và chị Nông Thị K có 03 con chung là: Nông Lương T; Sinh năm 1985; Nông Bích N; Sinh năm 1988; Nông Ngọc A; Sinh năm 1990. Nay đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Toàn bộ tài sản gồm nhà và tài sản khác gắn liền với đất; Đất nông nghiệp và các loại đất khác đứng tên hai vợ chồng là tài sản do anh T được thừa kế từ ông cha, chị K tự nguyện để cho anh Nông Thanh T được sở hữu, quản lý, sử dụng.

2.4.Về Nợ chung, riêng: Sau khi ly hôn:

- Anh Nông Thanh T: Có trách nhiệm tiếp tục thực hiện trả nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 155/2022/HĐTD ngày 14/5/2022 giữa bên cho vay: Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T và bên vay: Nông Thị K; Năm sinh 1961; Số tiền vay là 80.000.000đ và khoản vay theo số: 6600000722366487 vay ngày 14/3/2022 số tiền là: 50.000.000đ; Tổng cả hai khoản nợ vay tính đến ngày 06/6/2023 là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn) và lãi phát sinh.

- Chị Nông Thị K: Có trách nhiệm tiếp tục thực hiện trả nợ gốc và lãi của những Hợp đồng tín dụng do chị Nông Thị K và anh Nông Thanh T đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Cao Bằng gồm:

+ Hợp đồng tính dụng số 8310LAV202000550 ngày 22/6/2020 số tiền vay 450.000.000đ, thời hạn của Hợp đồng vay vốn: 60 tháng, Lãi xuất 12%/ Năm. Phương thức trả nợ gốc; 12 tháng 1 kỳ (Mỗi kỳ 90.000.000đ). Phương thức lãi: 12 tháng 1 kỳ.

+ Hợp đồng tín dụng số 8310LAV202001066 ngày 01/12/2020 số tiền vay 37.000.000đ, thời hạn của Hợp đồng vay vốn: 60 tháng, Lãi xuất 12%/ Năm. Phương thức trả nợ gốc; 12 tháng 1 kỳ (Mỗi kỳ 7.400.000đ). Phương thức lãi: 12 tháng 1 kỳ.

+ Hợp đồng tín dụng số 8310LAV202100533 ngày 25/6/2021 số tiền vay 250.000.000đ, thời hạn của Hợp đồng vay vốn: 84 tháng, Lãi xuất 12%/ Năm. Phương thức trả nợ gốc; 12 tháng 1 kỳ (Mỗi kỳ 36.000.000đ). Phương thức lãi: 12 tháng 1 kỳ.

Tính đến ngày 12/7/2023 tổng các khoản tiền vay tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, Cao Bằng số tiền là: 372.517.372đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm bẩy mươi hai đồng) và lãi phát sinh.

5- Về án phí: Căn cứ Điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

Anh Nông Thanh T và chị Nông Thị K đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn mỗi người là 75.000đ. Anh Nông Thanh T tự nguyện nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn xung công quỹ nhà nước. Xác nhận anh Nông Thanh T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn là: 300.000đ. theo biên lai số: 0001036 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An. Anh Nông Thanh T còn được trả lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Hai bên đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Thạch An
- UBND thị trấn Đông Khê
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Thạch An
- NHNN&PTNT - Chi nhánh huyện Thạch An
- Tòa án Tỉnh CB
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phan Vũ Hoàng